

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 06 – 6 – 2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 200x; Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện TK, tỉnh HD.

- Bị đơn: Anh Vũ Thành Công, sinh năm 199x; Địa chỉ: Thôn Thôn T, xã Q, huyện TK, tỉnh HD.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Thành Công tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện TK, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của anh C được hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh C ít khi quan tâm gia đình, không đồng hành cùng chị trong quá trình chăm con và chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 03/2025, chị đã ra ngoài ở riêng, không còn chung sống với anh C. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị N và anh C có một con chung Vũ Gia Khánh, sinh ngày 13/6/2023. Trong thời gian chị và anh C sống ly thân, con chung vẫn thường do chị trực tiếp chăm sóc, thi thoảng do anh C chăm sóc và hiện tại con chung đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2025, anh Vũ Thành Công trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện TK, tỉnh HD cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh tại thôn T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Cách đây khoảng hai tháng, chị N tự ý bỏ ra ngoài thuê trọ sống. Anh hỏi lý do thì chị N nói là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do anh không chăm lo, quan tâm đến gia đình nên chị bỏ đi để anh thay đổi. Anh thừa nhận là có nhiều lúc anh vô tâm, không chăm lo cho gia đình nhưng anh nghĩ lý do cũng một phần là do tính cách của anh, tuổi đời vợ chồng anh còn trẻ, đôi khi chưa suy nghĩ sâu sắc nên anh có phát ngôn chưa chuẩn và chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình. Nay anh mong muốn chị N cho cơ hội để anh sửa sai, hoàn thiện bản thân, vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C và chị N có một con chung tên Vũ Gia Kh, sinh ngày 13/6/2023. Trường hợp ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã Q, trưởng thôn T thể hiện: Anh Vũ Thành C và chị Bùi Thị N có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 31/10/2022. Sau khi kết hôn, anh, chị sống tại nhà mẹ của anh C tại địa phương. Quá trình chung sống, giữa anh C và chị N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống cũng như cách phát triển kinh tế gia đình. Từ tháng 01/2025, chị N ra ngoài thuê nhà ở riêng. Vợ chồng sống ly thân. Do chị Ngân, anh C không yêu cầu nên chính quyền địa phương không tổ chức hòa giải mâu thuẫn gia đình anh, chị. Nay chị N làm đơn

yêu cầu ly hôn với anh C , địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh C và chị N có một con chung là cháu Vũ Gia Khánh, sinh ngày 13/6/2023, từ khi anh, chị sống ly thân, con chung chủ yếu sống cùng với chị Ngân, thi thoảng cũng sống cùng với anh C một thời gian. Cháu Khánh còn nhỏ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung.

Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh C) thể hiện: Anh C và chị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh, chị sống cùng với bà. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách làm kinh tế. Anh C cũng có khi vô tâm, ít quan tâm đến chị N và con. Khoảng tháng 3/2025, chị N dọn ra ngoài sống riêng và vợ chồng anh, chị đã sống ly thân với nhau. Thời gian này, anh C có tìm gặp và khuyên bảo chị N quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N làm đơn yêu cầu ly hôn với anh C , bà không có ý kiến. Anh C và chị N có một con chung là Vũ Gia Khánh, sinh ngày 13/6/2023. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Khánh chủ yếu sống cùng với chị Ngân, thi thoảng cháu cũng sống cùng với anh C và bà. Anh C và chị N tự quyết định việc nuôi con, trường hợp anh C được nuôi con chung bà cũng hỗ trợ và giúp đỡ anh trong việc chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ quan điểm xin ly hôn với anh C và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N và nhất trí với quan điểm của chị N về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân, xử cho chị N được ly hôn với anh C ; Giao con chung Vũ Gia Kh cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Thành C tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân xã Q, huyện TK, tỉnh HD cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2022 nên hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của chị Ngân, anh C, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Cả chị N và anh C đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng của anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C có đề nghị chị N cho anh một cơ hội để anh sửa sai, hoàn thiện bản thân nhưng việc này không được chị N đồng ý. Quá trình Tòa án giải quyết, cũng đã triệu tập anh C đến để hòa giải mâu thuẫn, anh C không đến theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh C thể hiện quan điểm, anh nhất trí ly hôn với chị Ngân. Điều này cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Ngân, xử cho chị N ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Thành C có một con chung là cháu Vũ Gia Kh, sinh ngày 13/6/202x. Trong thời gian anh, chị sống ly thân, cháu thường xuyên ở với chị N, thi thoảng ở với anh C và hiện tại cháu Khánh đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C cũng nhất trí chị N tiếp tục nuôi con chung. Xét ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu Vũ Gia Kh chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Do đó, nhằm đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của con chung, cần tiếp tục giao cháu Vũ Gia Kh cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị N . Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Vũ Thành C.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung tên Vũ Gia Kh, sinh ngày 13/6/202x cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (con chung đang sống cùng với chị N). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Thành C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0002238 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Thành Công có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q , huyện TK;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như